

TÓM TẮT ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.
- Nghị quyết số 74 /NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

Tỉnh Quảng Bình nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tỉnh có chung biên giới với Lào¹ ở phía Tây, phía Đông giáp biển Đông. Tỉnh lỵ của Quảng Bình là thành phố Đồng Hới.

Tỉnh có 08 đơn vị hành chính cấp huyện², 145 đơn vị hành chính cấp xã³, 1.123 thôn, bản, tổ dân phố, trong đó có 102 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025⁴.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Trên cơ sở đánh giá thực trạng các ĐVHC cấp xã và thực hiện mô hình địa phương hai cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xây dựng “**Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025**” là hết sức cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

1. Tỉnh Quảng Bình:

1.1. Diện tích tự nhiên: 7.998,76 (km²)

1.2. Quy mô dân số: Dân số thường trú 1.063.487 (người); dân số tạm trú: 15.632 người.

1.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện: Số lượng ĐVHC cấp huyện **08** (chia ra: 06 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã **145** (chia ra: 122 xã, 15 phường, 08 thị trấn)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: **144** xã, phường, thị trấn.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp: **01** xã (xã Tân Thành).

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

¹ 222,118km - Theo Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ký tại Hà Nội, ngày 16/3/2016, có hiệu lực kể từ ngày 05/9/2017.

² Gồm 06 huyện ((Minh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy), 01 thị xã (Ba Đồn), 01 thành phố trực thuộc tỉnh (Đồng Hới); 03 ĐVHC loại I, 05 ĐVHC loại II).

³ Gồm: 122 xã, 15 phường, 08 thị trấn

⁴ Theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường Đồng Hới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bảo Ninh (có diện tích tự nhiên là 17,67 km²; quy mô dân số là 11.441 người), xã Đức Ninh (có diện tích tự nhiên là 5,56 km²; quy mô dân số là 10.669 người), phường Nam Lý (có diện tích tự nhiên là 4,04 km²; quy mô dân số là 21.054 người), phường Đồng Hải (có diện tích tự nhiên là 1,93 km²; quy mô dân số là 9.170 người), phường Đồng Phú (có diện tích tự nhiên là 3,79 km²; quy mô dân số là 13.113 người), phường Đức Ninh Đông (có diện tích tự nhiên là 2,78 km²; quy mô dân số là 7.301 người), phường Phú Hải (có diện tích tự nhiên là 3,13 km²; quy mô dân số là 4.494 người) và phường Hải Thành (có diện tích tự nhiên là 2,45 km²; quy mô dân số là 6.954 người).

Phường Đồng Hới có: Tổng diện tích tự nhiên là 41,35 km² (đạt 751,82% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 84.196 người (đạt 400,93% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Đồng Hới: Đặt tại phường Đức Ninh Đông hiện nay.

2. Thành lập phường Đồng Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Ninh (có diện tích tự nhiên là 13,32 km²; quy mô dân số là 11.240 người), xã Quang Phú (có diện tích tự nhiên là 3,22 km²; quy mô dân số là 3.891 người) và phường Bắc Lý (có diện tích tự nhiên là 9,95 km²; quy mô dân số là 23.390 người).

Phường Đồng Thuận có: Tổng diện tích tự nhiên là 26,49 km² (đạt 481,66% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 38.521 người (đạt 183,43% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Đồng Thuận: Đặt tại phường Bắc Lý hiện nay.

3. Thành lập phường Đồng Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nghĩa Ninh (có diện tích tự nhiên là 15,7 km²; quy mô dân số là 6.217 người), xã Thuận Đức (có diện tích tự nhiên là 45,29 km²; quy mô dân số là 5.256 người), phường Bắc Nghĩa (có diện tích tự nhiên là 7,49 km²; quy mô dân số là 9.918 người) và phường Đồng Sơn (có diện tích tự nhiên là 19,55 km²; quy mô dân số là 11.005 người).

Phường Đồng Sơn có: Tổng diện tích tự nhiên là 88,03 km² (đạt 1.600,55% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 32.396 người (đạt 154,27 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Đồng Sơn: Đặt tại phường Đồng Sơn hiện nay.

4. Thành lập phường Ba Đồn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Hải (có diện tích tự nhiên là 4,25 km²; quy mô dân số là 3.529 người), phường Quảng Phong (có diện tích tự nhiên là 4,74 km²; quy mô dân số là 6.847 người), phường Quảng Long (có diện tích tự nhiên là 9,64 km²; quy mô dân số là 7.014 người) và phường Ba Đồn (có diện tích tự nhiên là 1,82 km²; quy mô dân số là 11.415 người).

Phường Ba Đồn có: Tổng diện tích tự nhiên là 20,45 km² (đạt 371,81 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 28.805 người (đạt 137,17 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Ba Đồn: Đặt tại phường Ba Đồn hiện nay (trụ sở Thị ủy - UBND thị xã Ba Đồn hiện nay).

5. Thành lập phường Bắc Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quảng Phúc (có diện tích tự nhiên là 14,18 km²; quy mô dân số là 10.293 người), phường Quảng Thọ (có diện tích tự nhiên là 9,22 km²; quy mô dân số là 14.015 người) và phường Quảng Thuận (có diện tích tự nhiên là 7,74 km²; quy mô dân số là 8.492 người).

Phường Bắc Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 31,13 km² (đạt 566,02 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 32.800 người (đạt 156,19 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Bắc Gianh: Đặt tại phường Quảng Thọ hiện nay .

6. Thành lập xã Nam Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Hòa (có diện tích tự nhiên là 5,62 km²; quy mô dân số là 10.893 người), xã Quảng Lộc (có diện tích tự nhiên là 6,07 km²; quy mô dân số là 9.787 người), xã Quảng Văn (có diện tích tự nhiên là 4,55 km²; quy mô dân số là 6.835 người) và xã Quảng Minh (có diện tích tự nhiên là 18,19 km²; quy mô dân số là 9.012 người).

Xã Nam Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 34,42 km² (đạt 114,74 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 36.527 người (đạt 228,29% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Nam Gianh: Đặt tại xã Quảng Lộc hiện nay.

7. Thành lập xã Tây Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Tân (có diện tích tự nhiên là 2,91 km²; quy mô dân số là 4.054 người), xã Quảng Trung (có diện tích tự nhiên là 6,79 km²; quy mô dân số là 6.434 người), xã Quảng Tiên (có diện tích tự nhiên là 10,10 km²; quy mô dân số là 6.025 người), xã Quảng Sơn (có diện tích tự nhiên là 53,73 km²; quy mô dân số là 8.155 người) và xã Quảng Thủy (có diện tích tự nhiên là 2,77 km²; quy mô dân số là 2.975 người).

Xã Tây Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 76,30 km² (đạt 254,33% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 27.643 người (đạt 172,77% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Tây Gianh: Đặt tại xã Quảng Trung hiện nay.

8. Thành lập xã Dân Hóa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Dân Hóa (có diện tích tự nhiên là 174,52 km²; quy mô dân số là 4.620 người) và xã Trọng Hóa (có diện tích tự nhiên là 190,48 km²; quy mô dân số là 4.912 người).

Xã Dân Hóa có: Tổng diện tích tự nhiên là 365,00 km² (đạt 365,00% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 8.532 người (đạt 190,64% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Dân Hóa: Đặt tại xã Dân Hóa hiện nay.

9. Thành lập xã Kim Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hóa Sơn (có diện tích tự nhiên là 177,58 km²; quy mô dân số là 2.083

người) và xã Hóa Hợp (có diện tích tự nhiên là 51,84 km²; quy mô dân số là 4.082 người).

Xã Kim Điền có: Tổng diện tích tự nhiên là 229,43 km² (đạt 229,43% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 6.165 người (đạt 123,30% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Kim Điền: Đặt tại xã Hóa Hợp hiện nay.

10. Thành lập xã Kim Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Hóa (có diện tích tự nhiên là 354,74 km²; quy mô dân số là 4.025 người), xã Trung Hóa (có diện tích tự nhiên là 92,01 km²; quy mô dân số là 6.714 người), xã Minh Hóa (có diện tích tự nhiên là 33,97 km²; quy mô dân số là 4.732 người) và xã Tân Hóa (có diện tích tự nhiên là 71,85 km²; quy mô dân số là 3.583 người).

Xã Kim Phú có: Tổng diện tích tự nhiên là 552,58 km² (đạt 552,58% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 19.054 người (đạt 381,08% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Kim Phú: Đặt tại xã Trung Hóa hiện nay.

11. Thành lập xã Minh Hóa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Hóa (có diện tích tự nhiên là 40,36 km²; quy mô dân số là 3.512 người), xã Yên Hóa (có diện tích tự nhiên là 31,86 km²; quy mô dân số là 5.108 người), xã Hồng Hóa (có diện tích tự nhiên là 69,48 km²; quy mô dân số là 4.207 người) và thị trấn Quy Đạt (có diện tích tự nhiên là 15,27 km²; quy mô dân số là 8.654 người).

Xã Minh Hóa có: Tổng diện tích tự nhiên là 156,97 km² (đạt 523,24% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.481 người (đạt 134,26% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Minh Hóa: Đặt tại thị trấn Quy Đạt hiện nay.

12. Giữ nguyên xã Tân Thành do có vị trí biệt lập, có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống (1.144 người dân tộc thiểu số, chiếm 20,75%); đã sáp nhập giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 xã: Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến.

Xã Tân Thành có: Tổng diện tích tự nhiên là 89,77 km² (đạt 89,77 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 5.513 người (đạt 110,26 % so với tiêu chuẩn).

13. Thành lập xã Tuyên Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Hóa (có diện tích tự nhiên là 100,61 km²; quy mô dân số là 1.357 người) và xã Thanh Hóa (có diện tích tự nhiên là 134,59 km²; quy mô dân số là 7.044 người).

Xã Tuyên Lâm có: Tổng diện tích tự nhiên là 235,20 km² (đạt 235,20% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 8.401 người (đạt 168,02% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Lâm: Đặt tại xã Thanh Hóa hiện nay.

14. Thành lập xã Tuyên Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Thạch (có diện tích tự nhiên là 29,26 km²; quy mô dân số là 2.815 người) và xã Hương Hóa (có diện tích tự nhiên là 102,88 km²; quy mô dân số là 3.923 người).

Xã Tuyên Sơn có: Tổng diện tích tự nhiên là 132,14 km² (đạt 220,23% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 6.738 người (đạt 42,11% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Sơn: Đặt tại xã Hương Hóa hiện nay.

15. Thành lập xã Đồng Lê trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Hóa (có diện tích tự nhiên là 182,72 km²; quy mô dân số là 6.413 người), xã Lê Hóa (có diện tích tự nhiên là 22,80 km²; quy mô dân số là 3.175 người), xã Thuận Hóa (có diện tích tự nhiên là 44,91 km²; quy mô dân số là 2.738 người), xã Sơn Hóa (có diện tích tự nhiên là 31,28 km²; quy mô dân số là 4.511 người) và thị trấn Đồng Lê (có diện tích tự nhiên là 10,22 km²; quy mô dân số là 7.696 người).

Xã Đồng Lê có: Tổng diện tích tự nhiên là 291,93 km² (đạt 973,11% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 24.533 người (đạt 153,33% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đồng Lê: Đặt tại thị trấn Đồng Lê hiện nay.

16. Thành lập xã Tuyên Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Hóa (có diện tích tự nhiên là 43,30 km²; quy mô dân số là 4.213 người), xã Thạch Hóa (có diện tích tự nhiên là 74,68 km²; quy mô dân số là 8.550 người) và xã Đức Hóa (có diện tích tự nhiên là 37,40 km²; quy mô dân số là 6.037 người).

Xã Tuyên Phú có: Tổng diện tích tự nhiên là 155,37 km² (đạt 517,90% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 18.800 người (đạt 117,50% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Phú: Đặt tại xã Thạch Hóa hiện nay.

17. Thành lập xã Tuyên Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phong Hóa (có diện tích tự nhiên là 27,50 km²; quy mô dân số là 6.201 người), xã Ngư Hóa (có diện tích tự nhiên là 60,48 km²; quy mô dân số là 565 người) và xã Mai Hóa (có diện tích tự nhiên là 31,21 km²; quy mô dân số là 8.853 người).

Xã Tuyên Bình có: Tổng diện tích tự nhiên là 119,19 km² (đạt 397,32% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 15.619 người (đạt 97,62% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Bình: Đặt tại xã Phong Hóa hiện nay.

18. Thành lập xã Tuyên Hóa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiến Hóa (có diện tích tự nhiên là 37,81 km²; quy mô dân số là 8.648 người), xã Châu Hóa (có diện tích tự nhiên là 17,66 km²; quy mô dân số là 5.663 người), xã Cao Quảng (có diện tích tự nhiên là 114,41 km²; quy mô dân số là 3.524 người) và xã Văn Hóa (có diện tích tự nhiên là 25,04 km²; quy mô dân số là 3.617 người).

Xã Tuyên Hóa có: Tổng diện tích tự nhiên là 194,91 km² (đạt 649,70% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.452 người (đạt 134,08% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Hóa: Đặt tại xã Tiến Hóa hiện nay.

19. Thành lập xã Tân Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phù Cảnh (có diện tích tự nhiên là 11,39 km²; quy mô dân số là 9.330 người), xã Liên Trường (có diện tích tự nhiên là 25,85 km²; quy mô dân số là

8.103 người) và xã Quảng Thanh (có diện tích tự nhiên là 3,81 km²; quy mô dân số là 4.962 người).

Xã Tân Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 41,05 km² (đạt 136,82% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 22.395 người (đạt 139,97% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tân Gianh: Đặt tại xã Liên Trường hiện nay.

20. Thành lập xã Trung Thuần trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Lưu (có diện tích tự nhiên là 39,27 km²; quy mô dân số là 7.467 người), xã Quảng Thạch (có diện tích tự nhiên là 46,34 km²; quy mô dân số là 4.241 người) và xã Quảng Tiến (có diện tích tự nhiên là 13,22 km²; quy mô dân số là 4.623 người).

Xã Trung Thuần có: Tổng diện tích tự nhiên là 98,83 km² (đạt 329,43% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 16.331 người (đạt 102,07% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trung Thuần: Đặt tại xã Quảng Lưu hiện nay.

21. Thành lập xã Quảng Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Phương (có diện tích tự nhiên là 23,97 km²; quy mô dân số là 9.805 người), xã Quảng Xuân (có diện tích tự nhiên là 11,66 km²; quy mô dân số là 11.898 người) và xã Quảng Hưng (có diện tích tự nhiên là 21,01 km²; quy mô dân số là 9.719 người).

Xã Quảng Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 56,64 km² (đạt 188,8% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 31.422 người (đạt 196,39% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Quảng Trạch: Đặt tại xã Quảng Phương (trụ sở HU-UBND huyện Quảng Trạch) hiện nay.

22. Thành lập xã Hòa Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Châu (có diện tích tự nhiên là 41,00 km²; quy mô dân số là 11.642 người), xã Quảng Tùng (có diện tích tự nhiên là 10,11 km²; quy mô dân số là 8.420 người) và xã Cảnh Dương (có diện tích tự nhiên là 1,56 km²; quy mô dân số là 9.839 người).

Xã Hòa Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 52,68 km² (đạt 175,59 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 29.901 người (đạt 186,88% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hòa Trạch: Đặt tại xã Quảng Tùng hiện nay.

23. Thành lập xã Phú Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Đông (có diện tích tự nhiên là 26,48 km²; quy mô dân số là 7.527 người), xã Quảng Phú (có diện tích tự nhiên là 19,98 km²; quy mô dân số là 11.415 người), xã Quảng Kim (có diện tích tự nhiên là 37,66 km²; quy mô dân số là 4.568 người) và xã Quảng Hợp (có diện tích tự nhiên là 113,29 km²; quy mô dân số là 7.157 người).

Xã Phú Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 197,42 km² (đạt 658,08 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 30.850 người (đạt 192,81 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Phú Trạch: Đặt tại xã Quảng Phú hiện nay.

24. Thành lập xã Thượng Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trạch (có diện tích tự nhiên là 354,26 km²; quy mô dân

số là 367 người) và xã Thượng Trạch (có diện tích tự nhiên là 741,52 km²; quy mô dân số là 3.248 người).

Xã Thượng Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 1.095,78 km² (đạt 1.095,78% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 3.615 người (đạt 72,3% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Thượng Trạch: Đặt tại xã Thượng Trạch hiện nay.

25. Thành lập xã Phong Nha trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Trạch (có diện tích tự nhiên là 27,52 km²; quy mô dân số là 4.552 người), xã Xuân Trạch (có diện tích tự nhiên là 172,58 km²; quy mô dân số là 6.745 người), xã Phúc Trạch (có diện tích tự nhiên là 58,52 km²; quy mô dân số là 13.988 người) và thị trấn Phong Nha (có diện tích tự nhiên là 99,48 km²; quy mô dân số là 13.969 người).

Xã Phong Nha có: Tổng diện tích tự nhiên là 358,10 km² (đạt 1.193,66% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 39.254 người (đạt 245,34 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Phong Nha: Đặt tại thị trấn Phong Nha hiện nay.

26. Thành lập xã Bắc Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bắc Trạch (có diện tích tự nhiên là 17,82 km²; quy mô dân số là 7.972 người), xã Thanh Trạch (có diện tích tự nhiên là 23,80 km²; quy mô dân số là 15.331 người), xã Hạ Mỹ (có diện tích tự nhiên là 27,68 km²; quy mô dân số là 9.039 người) và xã Liên Trạch (có diện tích tự nhiên là 28,31 km²; quy mô dân số là 4.519 người).

Xã Bắc Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 97,61 km² (đạt 325,35 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 36.861 người (đạt 230,38% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bắc Trạch: Đặt tại xã Bắc Trạch hiện nay.

27. Thành lập xã Đông Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hải Phú (có diện tích tự nhiên là 14,60 km²; quy mô dân số là 15.629 người), xã Sơn Lộc (có diện tích tự nhiên là 12,20 km²; quy mô dân số là 2.835 người), xã Đức Trạch (có diện tích tự nhiên là 2,72 km²; quy mô dân số là 9.103 người) và xã Đồng Trạch (có diện tích tự nhiên là 6,21 km²; quy mô dân số là 6.607 người).

Xã Đông Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 35,72 km² (đạt 119,08% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 34.174 người (đạt 213,59 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đông Trạch: Đặt tại xã Đồng Trạch hiện nay.

28. Thành lập xã Hoàn Lão trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Trạch (có diện tích tự nhiên là 10,65 km²; quy mô dân số là 6.775 người), xã Đại Trạch (có diện tích tự nhiên là 25,03 km²; quy mô dân số là 10.549 người), xã Tây Trạch (có diện tích tự nhiên là 28,17 km²; quy mô dân số là 5.887 người), xã Hòa Trạch (có diện tích tự nhiên là 22,12 km²; quy mô dân số là 5.287 người) và thị trấn Hoàn Lão (có diện tích tự nhiên là 13,06 km²; quy mô dân số là 15.056 người).

Xã Hoàn Lão có: Tổng diện tích tự nhiên là 99,04 km² (đạt 330,12% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 43.554 người (đạt 272,21% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hoàn Lão: Đặt tại thị trấn Hoàn Lão hiện nay.

29. Thành lập xã Bồ Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Trạch (có diện tích tự nhiên là 93,01 km²; quy mô dân số là 13.745 người), xã Cự Năm (có diện tích tự nhiên là 32,20 km²; quy mô dân số là 8.591 người), xã Vạn Trạch (có diện tích tự nhiên là 27,84 km²; quy mô dân số là 7.700 người) và xã Phú Định (có diện tích tự nhiên là 146,37 km²; quy mô dân số là 3.194 người).

Xã Bồ Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 299,42 km² (đạt 998,07% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 33.230 người (đạt 207,69% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bồ Trạch: Đặt tại xã Cự Năm hiện nay.

30. Thành lập xã Nam Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nhân Trạch (có diện tích tự nhiên là 2,48 km²; quy mô dân số là 11.300 người), xã Lý Nam (có diện tích tự nhiên là 41,48 km²; quy mô dân số là 9.611 người) và thị trấn Nông trường Việt Trung (có diện tích tự nhiên là 85,87 km²; quy mô dân số là 11.683 người).

Xã Nam Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 129,83 km² (đạt 432,77% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 32.594 người (đạt 203,71% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Nam Trạch: Đặt tại xã Lý Nam hiện nay.

31. Thành lập xã Quảng Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Ninh (có diện tích tự nhiên là 49,76 km²; quy mô dân số là 7.818 người), xã Võ Ninh (có diện tích tự nhiên là 21,71 km²; quy mô dân số là 10.487 người), xã Hàm Ninh (có diện tích tự nhiên là 20,11 km²; quy mô dân số là 6.912 người) và thị trấn Quán Hàu (có diện tích tự nhiên là 8,69 km²; quy mô dân số là 10.993 người).

Xã Quảng Ninh có: Tổng diện tích tự nhiên là 100,27 km² (đạt 334,22 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 36.210 người (đạt 226,31% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Quảng Ninh: Đặt tại thị trấn Quán Hàu hiện nay.

32. Thành lập xã Ninh Châu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Ninh (có diện tích tự nhiên là 11,46 km²; quy mô dân số là 6.095 người), xã Gia Ninh (có diện tích tự nhiên là 28,52 km²; quy mô dân số là 8.998 người), xã Duy Ninh (có diện tích tự nhiên là 7,79 km²; quy mô dân số là 7.936 người) và xã Hải Ninh (có diện tích tự nhiên là 38,26 km²; quy mô dân số là 7.069 người).

Xã Ninh Châu có: Tổng diện tích tự nhiên là 86,03 km² (đạt 286,75% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 30.098 người (đạt 188,11% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Ninh Châu: Đặt tại xã Gia Ninh hiện nay.

33. Thành lập xã Trường Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vạn Ninh (có diện tích tự nhiên là 29,06 km²; quy mô dân số là

8.423 người), xã An Ninh (có diện tích tự nhiên là 19,59 km²; quy mô dân số là 10.648 người), xã Xuân Ninh (có diện tích tự nhiên là 8,27 km²; quy mô dân số là 8.256 người) và xã Hiền Ninh (có diện tích tự nhiên là 15,00 km²; quy mô dân số là 8.287 người).

Xã Trường Ninh có: Tổng diện tích tự nhiên là 71,93 km² (đạt 239,77% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 35.614 người (đạt 222,59% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trường Ninh: Đặt tại xã Xuân Ninh hiện nay.

34. Thành lập xã Trường Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Xuân (có diện tích tự nhiên là 156,34 km²; quy mô dân số là 3.081 người) và xã Trường Sơn (có diện tích tự nhiên là 779,62 km²; quy mô dân số là 5.403 người).

Xã Trường Sơn có: Tổng diện tích tự nhiên là 935,96 km² (đạt 935,96% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 8.484 người (đạt 169,68% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trường Sơn: Đặt tại xã Trường Sơn hiện nay.

35. Thành lập xã Lệ Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Liên Thủy (có diện tích tự nhiên là 7,03 km²; quy mô dân số là 9.806 người), xã Xuân Thủy (có diện tích tự nhiên là 6,55 km²; quy mô dân số là 6.576 người), xã An Thủy (có diện tích tự nhiên là 21,35 km²; quy mô dân số là 11.193 người), xã Phong Thủy (có diện tích tự nhiên là 10,00 km²; quy mô dân số là 8.111 người), xã Lộc Thủy (có diện tích tự nhiên là 7,72 km²; quy mô dân số là 5.312 người) và thị trấn Kiến Giang (có diện tích tự nhiên là 3,28 km²; quy mô dân số là 8.462 người).

Xã Lệ Thủy có: Tổng diện tích tự nhiên là 55,93 km² (đạt 186,45% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 49.460 người (đạt 309,13% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lệ Thủy: Đặt tại thị trấn Kiến Giang hiện nay.

36. Thành lập xã Cam Hồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cam Thủy (có diện tích tự nhiên là 14,10 km²; quy mô dân số là 4.996 người), xã Thanh Thủy (có diện tích tự nhiên là 14,33 km²; quy mô dân số là 6.761 người), xã Hồng Thủy (có diện tích tự nhiên là 27,15 km²; quy mô dân số là 10.129 người) và xã Ngư Thủy Bắc (có diện tích tự nhiên là 32,31 km²; quy mô dân số là 4.777 người).

Xã Cam Hồng có: Tổng diện tích tự nhiên là 87,89 km² (đạt 292,97 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 26.663 người (đạt 166,64 % so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Cam Hồng: Đặt tại xã Ngư Thủy Bắc hiện nay.

37. Thành lập xã Sen Ngư trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Thủy (có diện tích tự nhiên là 21,43 km²; quy mô dân số là 7.933 người), xã Sen Thủy (có diện tích tự nhiên là 75,89 km²; quy mô dân số là 6.723 người) và xã Ngư Thủy (có diện tích tự nhiên là 23,52 km²; quy mô dân số là 6.502

người).

Xã Sen Nưg có: Tổng diện tích tự nhiên là 120,84 km² (đạt 402,80% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.158 người (đạt 132,24% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Sen Nưg: Đặt tại xã Hưng Thủy hiện nay.

38. Thành lập xã Tân Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thủy (có diện tích tự nhiên là 20,49 km²; quy mô dân số là 7.260 người), xã Dương Thủy (có diện tích tự nhiên là 9,61 km²; quy mô dân số là 5.087 người), xã Mỹ Thủy (có diện tích tự nhiên là 13,74 km²; quy mô dân số là 6.471 người) và xã Thái Thủy (có diện tích tự nhiên là 58,73 km²; quy mô dân số là 5.826 người)

Xã Tân Mỹ có: Tổng diện tích tự nhiên là 102,57 km² (đạt 341,91% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 24.644 người (đạt 154,03% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tân Mỹ: Đặt tại xã Dương Thủy hiện nay.

39. Thành lập xã Trường Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Thủy (có diện tích tự nhiên là 35,60 km²; quy mô dân số là 5.445 người), xã Mai Thủy (có diện tích tự nhiên là 20,00 km²; quy mô dân số là 7.444 người) và xã Phú Thủy (có diện tích tự nhiên là 41,58 km²; quy mô dân số là 8.317 người)

Xã Trường Phú có: Tổng diện tích tự nhiên là 97,18 km² (đạt 323,92% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.206 người (đạt 132,54% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trường Phú: Đặt tại xã Mai Thủy hiện nay.

40. Thành lập xã Lệ Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Thủy (có diện tích tự nhiên là 25,70 km²; quy mô dân số là 8.374 người), xã Hoa Thủy (có diện tích tự nhiên là 19,19 km²; quy mô dân số là 8.875 người) và thị trấn Nông trường Lệ Ninh (có diện tích tự nhiên là 11,43 km²; quy mô dân số là 6.200 người)

Xã Lệ Ninh có: Tổng diện tích tự nhiên là 56,32 km² (đạt 187,75% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 23.449 người (đạt 146,56 % so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lệ Ninh: Đặt tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh hiện nay.

41. Thành lập xã Kim Ngân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Thủy (có diện tích tự nhiên là 487,34 km²; quy mô dân số là 5.054 người), xã Ngân Thủy (có diện tích tự nhiên là 165,79 km²; quy mô dân số là 2.868 người) và xã Lâm Thủy (có diện tích tự nhiên là 227,93 km²; quy mô dân số là 1.854 người)

Xã Kim Ngân có: Tổng diện tích tự nhiên là 881,06 km² (đạt 881,06% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 9.776 người (đạt 195,52% so với tiêu chuẩn).

Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Kim Ngân: Đặt tại xã Kim Thủy hiện nay.

(Có Phụ lục số 2.3 đính kèm Đề án)

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH

Trước khi sắp xếp, tỉnh Quảng Bình có 145 ĐVHC cấp xã (gồm: 122 xã; 15 phường và 08 thị trấn).

Sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Bình còn **41** ĐVHC cấp xã (gồm: **05** phường và **36** xã); giảm **104** xã, phường (gồm: **10** phường, **86** xã và **08** thị trấn).

(Có Phụ lục số 2.4 đính kèm Đề án)

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC:

1.1. Tổng số ĐVHC cấp xã, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp: 1.912 tổ chức.

1.2. Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn các ĐVHC, cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp:

- Tổ chức ĐVHC cấp xã: Kiện toàn tổ chức, bộ máy tại ĐVHC của 41 xã, phường mới hình thành sau sắp xếp (gồm 5 phường và 36 xã).

- Trường học: 499 trường: Giữ nguyên hiện trạng về tổ chức bộ máy và tiếp tục hoạt động đến hết năm học 2024-2025.

- Trạm y tế xã, thị trấn: Giữ nguyên hiện trạng về tổ chức bộ máy và tiếp tục hoạt động đến thời điểm có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Các phòng, ban và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập khác: Trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Trung ương sẽ thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các phòng, ban và đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công theo ngành, lĩnh vực đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

- Thôn, tổ dân phố: Các thôn, tổ dân phố tại các ĐVHC mới được hợp thành nguyên trạng trên cơ sở các thôn, tổ dân phố của các ĐVHC thực hiện sắp xếp theo Phương án sắp xếp chi tiết của từng ĐVHC cấp xã.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp ĐVHC: 22.489 người, trong đó:

- Cán bộ, công chức cấp xã: 2.881 người (gồm: 1.515 cán bộ, 1.366 công chức).

- Viên chức sự nghiệp giáo dục: 13.831 người (gồm cấp mầm non: 4.746; Tiểu học: 4.584; THCS: 3.296; Tiểu học và THCS: 1.205); Hợp đồng hiện có tại các trường học 1.616 người;

- Viên chức y tế cơ sở xã, thị trấn: 1.012 người;

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 1.588 người;

- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố: 3.177 người.

2.2. Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn các ĐVHC, cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp:

Giữ nguyên hiện trạng về biên chế và số lượng cán bộ, công chức, viên chức hiện tại và tiếp tục hoạt động đến thời điểm có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền;

thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Trước mắt tiếp tục sử dụng trụ sở của 145 xã, phường, thị trấn trong năm 2025. Sau khi các ĐVHC cấp xã mới hình thành và đi vào hoạt động ổn định, sẽ đề xuất phương án sắp xếp theo từng năm, đảm bảo hiệu quả, thuận lợi cho người dân, tiết kiệm và chống lãng phí.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Trước mắt, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

Sau khi có các quy định của cấp có thẩm quyền: Tiến hành rà soát, lập danh sách các ĐVHC cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn và xác định lộ trình rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của ĐVHC hình thành sau sắp xếp theo quy định.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã bao gồm: Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, các Sở ban ngành cấp tỉnh, Công an Tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Sau sắp xếp, tỉnh Quảng Bình còn **41 xã, phường** (gồm 5 phường và 36 xã) đạt tỷ lệ **giảm 71,72%** đơn vị hành chính cấp xã.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của tỉnh Quảng Bình đảm bảo tinh thần chỉ đạo và các quy định tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trong quá trình xây dựng phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025, tỉnh Quảng Bình đã cân nhắc thận trọng các yếu tố đặc thù, xem xét toàn diện quá trình hình thành, phát triển của từng ĐVHC, chú trọng giữ gìn, củng cố và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống, lịch sử, phong tục, tập quán, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh để tập trung phát triển đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

Trên đây là Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TVTU, TT HĐND tỉnh;
- Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Đảng, UBKT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp (11 ĐVHC);
- Lưu: VT; NCVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**